

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ MỸ THO  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **159/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 29 tháng 12 năm 2020

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ TRÍ VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huyền Ni.

*Các Hội thẩm nhân nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Ba.
2. Ông Nguyễn Thanh Tăng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Minh Cường - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông Danh Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 638/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng L**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Ấp M, xã T, thành phố M, tỉnh T.

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn Q**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Thôn B, xã Q1, huyện Q2, tỉnh Q3.

Tạm trú: Ấp M, xã T, thành phố M, tỉnh T.

(Có mặt chị L, vắng mặt anh Q)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 10/9/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hồng L trình bày: Chị và anh Trần Văn Q qua tìm hiểu và chung sống với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q1, huyện Q2, tỉnh Q3 vào ngày 08/01/2013. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Q thường xuyên nhậu nhẹt về nhà đập phá đồ đạc, không lo chăm sóc gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh Q có đánh chị một lần. Đầu năm 2020, mâu thuẫn trầm trọng, anh Q có đánh chị lần nữa. Chị và gia đình chị khuyên răn anh Q nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng ly thân từ tháng 5 năm 2020 cho đến nay.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chỉ yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn Q.

Về con chung: Có 02 con chung là Trần Bảo N, sinh ngày 10/11/2013 và Trần Minh T, sinh ngày 13/11/2015. Chị L yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn anh Trần Văn Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án và không có ý kiến gì.

\* Tại phiên tòa:

Chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Riêng bị đơn không tuân thủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng yêu cầu khởi kiện của chị L là có căn cứ và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L, giao cháu Trần Bảo N, sinh ngày 10/11/2013 và Trần Minh T, sinh ngày 13/11/2015 cho chị L được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh Q cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.000.000 đồng/tháng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Q nên đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Văn Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh vắng mặt mà không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Q theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng L và anh Trần Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Q1, huyện Q2, tỉnh Q3 cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân của chị L và anh Q là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử hôm nay, Tòa án đã triệu tập anh Q đến Tòa án nhưng anh Q vắng mặt không có lý do, anh Q không đưa ra được một biện pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng nên anh đã mặc nhiên từ bỏ cơ hội để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Hiện tại chị L trình bày

không còn tình cảm, không muốn tiếp tục chung sống đời sống vợ chồng với anh Q và tại phiên tòa vẫn cương quyết ly hôn. Đời sống vợ chồng giữa anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, cả hai không còn yêu thương quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đã ly thân từ tháng 5 năm 2020 cho đến nay. Đời sống chung của anh chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 02 con chung là Trần Bảo N, sinh ngày 10/11/2013 và Trần Minh T, sinh ngày 13/11/2015. Chị L yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung. Xét thấy, hiện hai cháu đang sống với chị L, cháu N có nguyện vọng được sống với chị L. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện, ổn định về tâm lý của các cháu thì Hội đồng xét xử xét thấy cần giao hai con cho chị L tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị L yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.000.000 đồng/tháng. Xét thấy yêu cầu của chị L là phù hợp theo quy định của tại Điều 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Anh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng L.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng L được ly hôn với anh Trần Văn Q;

- Về con chung: Giao cháu Trần Bảo N, sinh ngày 10/11/2013 và Trần Minh T, sinh ngày 13/11/2015 cho chị Nguyễn Thị Hồng L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Trần Văn Q cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.000.000 đồng/tháng.

Thời gian thực hiện từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi hai cháu đủ 18 tuổi và lao động được.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị L có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng, nếu anh Q chậm thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Anh Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Chị L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002112 ngày 08/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, nên xem như đã nộp xong án phí.

Anh Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

3. Về quyền kháng cáo: Chị L có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- UBND xã Q1, h. Q2, tỉnh Q3;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Huyền Ni**